

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

**Trần Thanh Hải,
La Thị Kim Bách⁺,
Huỳnh Thanh Quang**

Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
+ Tác giả liên hệ • Email: ltkbach@agu.edu.vn

Article History

Received: 15/9/2020
Accepted: 28/10/2020
Published: 05/12/2020

Keywords

pedagogical skills,
pedagogical students,
training, An Giang
University.

ABSTRACT

For many years, professional training activities for students at An Giang University have been implemented in accordance with training plans and programs. Beside the advantages and successes, the school still faces certain difficulties. The article presents the current situation and proposes solutions for pedagogical training activities for students of An Giang University in order to improve the training quality of the school, to meet the requirements of historians, employment and society. To meet the requirements of fundamental and comprehensive innovation of Education and Training and the implementation of the 2018 General Education Program, the training of pedagogical students in general, and training of pedagogical skills for students in particular should focus on implementation.

1. Mở đầu

Đào tạo nghiệp vụ sư phạm (NVSP) được xem như một hoạt động cơ bản trong quá trình đào tạo giáo viên (GV) và là một hoạt động đặc trưng của nhà trường sư phạm, có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành các phẩm chất năng lực nghề nghiệp của GV tương lai. Khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang với trên 40 năm kinh nghiệm đào tạo sinh viên (SV) sư phạm luôn coi trọng công tác này, coi đây là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng tạo nên chất lượng giáo dục SV sư phạm. Thực tiễn cho thấy, trong nhiều năm qua, hoạt động đào tạo NVSP cho SV tại Trường Đại học An Giang được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch, chương trình đào tạo. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, thành công, Nhà trường vẫn gặp phải một số khó khăn nhất định trong hoạt động này.

Bài báo trình bày thực trạng và đề xuất giải pháp đối với hoạt động đào tạo NVSP cho SV sư phạm Trường Đại học An Giang nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động và xã hội.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Thực trạng hoạt động đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên sư phạm Trường Đại học An Giang

Tại Trường Đại học An Giang có các hoạt động đào tạo NVSP cho SV như sau: - Hoạt động rèn luyện chính khóa trong chương trình đào tạo, được thực hiện thông qua các học phần phương pháp bắt buộc hay các chuyên đề tự chọn như: Lí luận dạy học bộ môn, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (RLNVSP) thường xuyên, phát triển kĩ năng nghề nghiệp, người GV ở thế kỉ XXI; thông qua nghiên cứu khoa học và làm khóa luận tốt nghiệp; thông qua việc tham quan, nghiên cứu thực tế chuyên môn; - Hoạt động tiếp xúc thực tế ở trường phổ thông: thông qua hoạt động RLNVSP thường xuyên ở trường phổ thông hay thực hành nghề nghiệp, thực tập sư phạm 1 (kiến tập) và thực tập sư phạm 2; - Các hoạt động phong trào liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ như: Hội nghị học tốt, các câu lạc bộ học thuật, hội thi Olympic, hội thi NVSP,...; - Ngoài ra, để trang bị cho SV năng lực dạy học, giáo dục, tổ chức và quản lí cũng như giúp SV hiểu và nắm được đặc điểm tâm lí lứa tuổi của học sinh phổ thông, các giá trị tâm lí,... trong chương trình đào tạo còn có các học phần Tâm lí học đại cương, Tâm lí học lứa tuổi và sư phạm, Giao tiếp sư phạm, Giáo dục học. Các học phần này góp phần đáng kể trong việc rèn luyện cho SV năng lực nghề nghiệp cần thiết, đủ tự tin để tham gia hoạt động thực tập sư phạm, là hành trang cần thiết để hành nghề dạy học sau khi tốt nghiệp.

Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động đào tạo NVSP cho SV sư phạm ở Trường Đại học An Giang được thể hiện ở các nội dung sau:

2.1.1. Kết quả thực tập sư phạm của sinh viên

Bảng 1. Tỷ lệ kết quả thực tập sư phạm của SV sư phạm qua các năm

Điểm	Năm học							
	2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020	
	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ	Tổng số	Tỉ lệ
A	766	100%	844	98,7%	603	98,5%	461	99,8%
B	0		11	1,3%	9	1,5%	1	0,2%
C	0		0		0		0	
Tổng	766		855		612		462	

(Nguồn: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học An Giang)

Qua xem xét các báo cáo tổng kết công tác thực tập sư phạm của Nhà trường hàng năm và qua trao đổi với GV hướng dẫn thực tập, chúng tôi nhận thấy, mặc dù kết quả cao thực tập của SV thể hiện ở bảng 1 là khá cao nhưng vẫn còn một số hạn chế (Trường Đại học An Giang, 2020):

- Về chuyên môn: không ít SV chưa vững vàng về kiến thức nên chưa làm chủ được tiết dạy, thiếu tập giảng nên không thể rời giáo án, thiếu nhấn mạnh kiến thức trọng tâm, chưa vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp dạy học, cách đặt câu hỏi, bài giảng chưa liên hệ thực tế nhiều...;

- Về sử dụng phương pháp giảng dạy và kỹ năng: SV chậm tiếp cận đổi mới phương pháp giảng dạy ở trường phổ thông; kỹ năng soạn giáo án, viết báo cáo thu hoạch, giao tiếp, kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn, kỹ năng trình bày bài giảng, trình bày bảng, kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể, kinh nghiệm xử lý tình huống sư phạm,... còn hạn chế. Nguyên nhân chính của những hạn chế trên là trong khi thực hiện các hoạt động rèn luyện chính khóa trong chương trình đào tạo cho SV, do thời lượng chương trình hạn hẹp và tình trạng thiếu phòng tập giảng thực hành NVSP nên GV chủ yếu cung cấp kiến thức, còn lại SV tự tổ chức tập giảng;

- Về năng lực quản lý: Việc lập kế hoạch dạy học - giáo dục còn khuôn mẫu, cứng nhắc, chưa sáng tạo, linh hoạt, đôi khi quá phụ thuộc vào GV hướng dẫn; khả năng bao quát, điều khiển lớp chưa tốt, lúng túng trong xử lý tình huống trên lớp,...;

- Về tinh thần, ý thức chấp hành tổ chức kỷ luật, tác phong sư phạm: Thiếu tự tin trên bục giảng, sự hợp tác với học sinh và GV hướng dẫn còn hạn chế;

- Về một số kỹ năng khác: Bản thân SV còn nhiều hạn chế về cách phát âm, giọng nói, chữ viết, chính tả,...; - Về tình yêu nghề nghiệp, động lực học tập chưa cao, tâm lý chưa toàn tâm toàn ý với nghề, chưa có đam mê và ý thức cao về nghề nghiệp.

Như vậy, có thể thấy, công tác đào tạo và RLNVSP tại Trường Đại học An Giang hiện nay vẫn chưa trang bị tốt cho SV những năng lực sư phạm thực sự. RLNVSP thường xuyên ở trường phổ thông là một phần trong chương trình đào tạo, là bước chuẩn bị rất quan trọng cho các em trước khi tham gia hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn một số tồn tại nhất định: Nhà trường, Khoa chưa xây dựng chuẩn RLNVSP cũng như tiêu chí cụ thể để đánh giá nên chưa thống nhất trong đánh giá kết quả rèn luyện của SV cũng như nội dung, chương trình rèn luyện. Hơn nữa, nhà trường cũng chưa xây dựng mạng lưới trường thực hành sư phạm nên hoạt động này chỉ chủ yếu thực hiện ở Trường Phổ thông Thực hành Sư phạm (đơn vị trực thuộc Trường Đại học An Giang), thiếu sự kết nối với các trường trực thuộc cơ quan quản lý giáo dục địa phương, vì vậy ảnh hưởng nhất định đến chất lượng đào tạo GV và chưa đáp ứng đối với nhà tuyển dụng.

2.1.2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp

Bảng 2. Thống kê số lượng và tỉ lệ SV sư phạm tốt nghiệp qua các năm

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp			
	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
Số lượng SV tốt nghiệp	696	740	543	428
Tỉ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào	90,7%	86,6%	88,7%	92,6%
Tỉ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp	Chưa có	Chưa có	Chưa có	Chưa có

(Nguồn: Phòng Đào tạo, Trường Đại học An Giang)

Bảng 2 cho thấy, tỉ lệ SV tốt nghiệp khá cao. Tuy nhiên, bên cạnh chất lượng đào tạo thì việc làm sau tốt nghiệp được xem là tiêu chí tiên quyết mà Trường Đại học An Giang đang hướng đến. Tuy nhiên, qua tham khảo và tổng hợp từ các báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo (Sư phạm Ngữ văn, Toán học, Hóa học, Giáo dục chính trị), chúng tôi nhận thấy, các khoa có đào tạo SV sư phạm chưa tổ chức khảo sát nên không có cơ sở dữ liệu cấp khoa về

tình hình việc làm của SV tốt nghiệp. Trong thời gian tới, nhà trường, khoa có đào tạo SV sư phạm cần chủ động trong việc điều tra, khảo sát và xây dựng dữ liệu về tình hình việc làm của SV, đặc biệt là tỉ lệ SV có việc làm đúng chuyên ngành sau khi tốt nghiệp làm cơ sở để điều chỉnh chất lượng và nhu cầu đào tạo phù hợp với nhu cầu nhân lực xã hội, nhu cầu việc làm của địa phương.

2.1.3. Hiệu quả của các học phần Tâm lý học, Giáo dục học và các hoạt động ngoại khóa

Các học phần Tâm lý học, Giáo dục học trang bị cho SV năng lực dạy học, giáo dục, tổ chức và quản lý cũng như giúp SV hiểu và nắm được đặc điểm tâm lý lứa tuổi của học sinh phổ thông, các giá trị tâm lý, ..., góp phần đáng kể trong việc rèn luyện cho SV các năng lực nghề cần thiết. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan nên hiệu quả của các môn học này chưa đạt như mong muốn.

Thông qua phiếu khảo sát SV, GV hướng dẫn thực tập năm học 2019-2020 về hiệu quả các học phần Tâm lý học, Giáo dục học, chúng tôi nhận được kết quả: 153/172 SV năm cuối cho rằng hiệu quả của các học phần này trong RLNVSP thường xuyên cho SV là bình thường, 19/172 SV cho rằng không hiệu quả. Nhiều SV cho rằng, GV thiếu cập nhật trong hướng dẫn SV xử lý các tình huống sư phạm nên khi vào thực tế thực tập, các em lúng túng, không định hướng được phương pháp xử lý hoặc xử lý không thỏa đáng, hiệu quả mang lại không cao.

Phỏng vấn SV về hiệu quả việc trang bị cho các em kiến thức, kỹ năng trong dạy học và giáo dục qua các học phần Tâm lý học, Giáo dục học, hầu hết các em trả lời là có nhưng hiệu quả chưa cao; thời lượng tương đối, tuy nhiên do phân phối chương trình, các học phần này được tổ chức học ở năm nhất nên đến khi thực tập, SV gần như đã quên. Bên cạnh đó, nội dung học nặng về lý thuyết, phương pháp truyền đạt “một chiều”, thiếu thực hành làm cho các em khó nhớ, khó ứng dụng trong thực tế nên hứng thú học tập không cao, mức độ hiểu để học hầu như chưa có.

Qua phỏng vấn, GV hướng dẫn thực tập cho rằng, SV thực tập kém nhanh nhạy trong xử lý tình huống sư phạm, năng lực tổ chức và quản lý học sinh ở mức độ tương đối, kỹ năng lập kế hoạch yếu, kiến thức về tâm lý lứa tuổi còn hạn chế,...

Như vậy, nhận thức của SV về tầm quan trọng của các học phần Tâm lý học, Giáo dục học trong chương trình đào tạo SV sư phạm là chưa cao, các em chưa có ý thức học để rèn nghề mà đơn giản chỉ học để thi lấy điểm. Bên cạnh đó, việc đổi mới phương pháp dạy học còn chậm chạp, thiếu cập nhật về kiến thức chuyên môn, quá trình giảng dạy học phần của GV chưa theo sát các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ, kiến tập, thực tập của SV nên hiệu quả của các học phần này đối với SV là không cao và cần thiết phải được cải tiến.

Mặt khác, xét hiệu quả hoạt động ngoại khóa gắn với chuyên môn nghiệp vụ: - Hội thi NVSP trong những năm qua còn đơn điệu, hình thức, thiếu sự hấp dẫn và tính hiệu quả. Việc giao cho bộ môn tổ chức, thiếu sự kiểm tra, giám sát dẫn đến thiếu chiều sâu, thậm chí mang tính đối phó, thiếu sức thu hút và sự lan tỏa để trở thành một phong trào rèn luyện và tự rèn luyện các kỹ năng sư phạm cho SV. Hơn nữa, các hội thi hầu như không có sự tham gia của GV bộ môn Tâm lý giáo dục nên thiếu sự gắn kết giúp SV hiểu sâu hơn mục đích, ý nghĩa của việc trang bị các kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học cho SV; - Các câu lạc bộ học thuật như: Lịch sử, Văn thơ, Hán Nôm, tiếng Anh, ... được thành lập nhằm mục đích tạo những sân chơi bổ ích, trao đổi chuyên môn cho SV; tuy nhiên, sự duy trì hoạt động là chưa có hoặc thiếu tính thường niên, hiệu quả hoạt động không cao, kém thu hút, hấp dẫn đối với SV.

2.1.4. Mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động về chất lượng sinh viên sư phạm tốt nghiệp tại Trường Đại học An Giang

Mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động về chất lượng SV sư phạm tốt nghiệp tại Trường Đại học An Giang là khá cao, với điểm trung bình là 4,53/5,00 và độ lệch chuẩn là 0,394; đặc biệt, kết quả đánh giá nhóm kỹ năng của SV tốt nghiệp về kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp, có 92,5% tổ chức đánh giá là đáp ứng tốt các kỹ năng mà nhà sử dụng lao động yêu cầu.

Trường Đại học An Giang cần tham khảo ý kiến đề xuất của nhà sử dụng lao động để cải tiến nội dung, chương trình đào tạo đặc biệt là đào tạo NVSP cho SV, tập trung vào 4 nội dung sau (có trên 50% ý kiến cho rằng đây là các giải pháp quan trọng): (1) Chương trình đào tạo được xây dựng với sự tham gia của nhà sử dụng lao động; (2) Hàng năm, nên tổ chức chương trình giao lưu với nhà sử dụng lao động; (3) tổ chức các khóa bồi trợ các kỹ năng mềm cho SV; (4) SV được rèn luyện các phẩm chất cá nhân đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Đây chính là cơ sở để Trường, Khoa, Bộ môn điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo SV sư phạm (Trường Đại học An Giang, 2019).

Có thể thấy, trong đào tạo NVSP ở Trường Đại học An Giang, SV vẫn chưa được trang bị tốt những năng lực sư phạm thực sự. Nhận thức về tầm quan trọng của các học phần Tâm lý học, Giáo dục học của SV là chưa cao; quá trình giảng dạy các học phần này của GV chưa theo sát các hoạt động RLNVSP, kiến tập, thực tập của SV, chưa gắn kết việc giảng dạy, học tập của bộ môn với việc đào tạo NVSP cho SV. Nhà trường chưa ban hành các chuẩn NVSP và tiêu chí đánh giá kết quả RLNVSP thường xuyên cho SV. Các khoa có đào tạo SV sư phạm thiếu chủ động trong

việc điều tra, khảo sát và xây dựng dữ liệu về tình hình việc làm của SV, đặc biệt là tỉ lệ SV có việc làm đúng chuyên ngành sau khi tốt nghiệp làm.

Mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động về chất lượng SV sư phạm tốt nghiệp tại Trường Đại học An Giang ở mức cao, đặc biệt là kết quả đánh giá nhóm kĩ năng của SV tốt nghiệp về kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp. Như vậy, để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, công tác đào tạo SV sư phạm nói chung, RLNVSP cho SV nói riêng cần được chú trọng và phải có những giải pháp cụ thể.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên sư phạm Trường Đại học An Giang

2.2.1. Tăng cường công tác giáo dục ý thức, nhận thức, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên kết hợp nâng cao tay nghề cho đội ngũ giảng viên sư phạm

- Tăng cường các hoạt động giáo dục ý thức, định hướng nghề nghiệp cho SV ngay từ năm thứ nhất. Bản thân SV phải ý thức được các em học tập, rèn luyện để trở thành GV trong tương lai nên các em cần nhận thức đúng, đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác đào tạo NVSP trong quá trình học tập và phải chủ động, tự giác, tự học, tự tham gia các hoạt động RLNVSP. Việc định hướng cho SV hiểu về nghề dạy học và hiểu rõ nội dung, chương trình mà bản thân các em phải rèn luyện để trở thành những GV có năng lực thực sự sau này là điều hết sức quan trọng và cần thiết.

- Bản thân người thầy chính là tấm gương cho các em SV phấn đấu. Rèn luyện kĩ năng chính là một quá trình. Vì vậy, nhất thiết đội ngũ GV phải luôn không ngừng tự nâng cao tay nghề, chủ động cập nhật, đổi mới phương pháp dạy học. Việc đổi mới cách dạy, cách học của đội ngũ GV chính là cơ sở, tiền đề, là căn cứ, gốc rễ để SV học, làm theo và sáng tạo là biện pháp hữu hiệu nhất trong đào tạo NVSP cho SV.

2.2.2. Xây dựng chuẩn nghiệp vụ sư phạm và tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên ở trường phổ thông cho sinh viên

- Cần thiết phải xây dựng chuẩn NVSP, bao gồm các nghiệp vụ cơ bản cho SV sư phạm và nghiệp vụ chuyên ngành dùng riêng cho từng chuyên ngành. Nghiệp vụ cơ bản do Hội đồng khoa học cấp khoa, Trường xây dựng; nghiệp vụ chuyên ngành do Hội đồng khoa học cấp khoa và bộ môn chuyên môn trực thuộc khoa, Trường xây dựng. Mỗi nghiệp vụ phải có yêu cầu về kiến thức, kĩ năng cụ thể và được hướng dẫn thực hiện sao cho SV có thể tự rèn luyện và tự đánh giá lẫn nhau.

- Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả RLNVSP thường xuyên ở trường phổ thông cho SV.

- Đổi mới phương thức RLNVSP đảm bảo được những kĩ năng nghiệp vụ cơ bản cho SV; chú trọng đào tạo năng lực theo hướng phát triển năng lực sư phạm theo hướng tích hợp và giáo dục học sinh toàn diện,...; phát huy vai trò của bộ phận chuyên trách quản lí đào tạo NVSP để theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động RLNVSP của SV; xây dựng nội dung chương trình và thiết kế quy trình, kế hoạch RLNVSP khoa học (thời lượng hợp lí, phù hợp với đặc trưng đào tạo GV theo các bậc/cấp, ngành học, cân xứng với chương trình đào tạo).

- Nghiên cứu tổ chức các hoạt động để tạo sự gắn kết việc giảng dạy, học tập của Bộ môn Tâm lí giáo dục với việc RLNVSP cho SV. Lập danh mục các kĩ năng nghề nghiệp cần hình thành cho SV thông qua việc giảng dạy các học phần về Giáo dục học.

- Mời GV giỏi ở phổ thông, các cựu SV sư phạm đã thành đạt, đang giữ vị trí chủ chốt ở các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh tham gia giảng dạy, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn về những vấn đề mới về nội dung, chương trình, phương pháp, tổ chức hoạt động giảng dạy hoặc báo cáo về kinh nghiệm giảng dạy và làm đồ dùng dạy học, kinh nghiệm phấn đấu trở thành GV giỏi, công tác chủ nhiệm, giáo dục học sinh cá biệt,... để SV thấy thành tựu đạt được trong quá trình đào tạo GV tại Trường, đồng thời kích thích động cơ học tập, giáo dục lòng yêu nghề cho SV.

- Đầu tư, trang bị các điều kiện để đảm bảo và nâng cao chất lượng RLNVSP như: xây dựng các phòng thực hành sư phạm chuyên biệt, xây dựng và phát triển mạng lưới các trường thực hành sư phạm,...

- Tăng cường các hoạt động ngoại khóa liên quan đến RLNVSP, các hội thi NVSP, chú trọng vào các kĩ năng thiết thực phục vụ cho hoạt động RLNVSP cho SV.

2.2.3. Xây dựng và phát huy môi trường văn hóa chất lượng trong trường, đặc biệt là văn hóa chất lượng trong các khoa có đào tạo sinh viên sư phạm

Văn hóa chất lượng là xu thế chung của tất cả các cơ sở giáo dục. Việc xây dựng và phát triển văn hoá chất lượng vừa duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động, các sản phẩm đầu ra tại Trường Đại học An Giang vừa là yêu cầu cấp thiết để đảm bảo chất lượng đào tạo, vừa là mục tiêu, yêu cầu xuyên suốt trong lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược của trường Đại học An Giang và các khoa có đào tạo SV sư phạm.

Xây dựng môi trường văn hóa chất lượng trong trường, khoa có đào tạo SV sư phạm cần phải:

- Biên việc đào tạo NVSP, mục tiêu chất lượng đào tạo nghiệp vụ trở thành mối quan tâm chung của tất cả GV sư phạm, đội ngũ hỗ trợ và các bên liên quan (bao gồm nhà sử dụng lao động, các cơ sở kiến tập, thực tập, các trường thực hành sư phạm) trong đào tạo SV sư phạm.

- Biên quá trình đào tạo GV sư phạm trở thành quá trình tự đào tạo, trong đó có việc tự đào tạo về NVSP của SV. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng. Muốn làm được việc này, nhà trường mà trực tiếp là các khoa có đào tạo SV sư phạm phải tăng cường các hoạt động nhận thức cho SV, làm cho SV hiểu được tầm quan trọng của NVSP trong đào tạo GV để các em tự ý thức, chủ động, tự giác, tự học, tự tham gia các hoạt động về RLNVSP.

2.2.4. Tăng cường các hoạt động tạo động lực lao động cho đội ngũ giảng viên và động lực học tập cho sinh viên

Động lực lao động của đội ngũ GV hiện nay đang bị sa sút do tác động của nhiều yếu tố như: chế độ đãi ngộ về lương, thưởng, áp lực công việc, thái độ của xã hội đối với nghề giáo, những yêu cầu của công tác đổi mới về giáo dục, một số hiện tượng cá biệt về vi phạm đạo đức nhà giáo,... Tạo động lực để huy động sự nỗ lực, không ngừng sáng tạo khoa học của đội ngũ GV nhằm hướng tới đạt được mục tiêu giáo dục đề ra là một vấn đề rất cần thiết nên cần có những cơ chế, chính sách phù hợp để nâng cao hiệu quả, năng suất lao động cũng như hiệu quả của công tác quản lí. Có nhiều hình thức nhằm tạo động lực cho đội ngũ GV: có chính sách, cơ chế về tài chính của nhà trường để khuyến khích, khen thưởng cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ; động viên tinh thần; tạo động lực thông qua hình thức hành chính,...

Việc tạo động lực học tập cho SV cũng là một nội dung quan trọng trong công tác đào tạo. Có nhiều cách tạo động lực học tập cho SV:

- Bản thân SV phải ý thức được việc học của mình và tự rèn luyện, tự phấn đấu;
- Bằng chính tấm gương của mình, GV giáo dục SV học, làm theo và sáng tạo. Bản thân GV cần chú trọng đầu tư vào bài giảng của mình, đóng góp tốt nhất cho quá trình học tập của SV, đáp ứng sự kì vọng của các em. Bên cạnh đó, GV cần tăng cường tiếp xúc giữa GV với SV, việc tiếp xúc thường xuyên giữa SV và GV trong và ngoài lớp học là yếu tố quan trọng nhất để tạo động lực và lôi cuốn SV tham gia hoạt động học tập;

- Nhà trường, khoa chuyên môn: Cần có các chính sách, tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ nhằm thu hút, kích thích tạo động lực học tập cho SV; chủ động trong việc điều tra, khảo sát và xây dựng dữ liệu về tình hình việc làm của SV đặc biệt là tỉ lệ SV có việc làm đúng chuyên ngành sau khi tốt nghiệp để làm cơ sở để điều chỉnh chất lượng và nhu cầu đào tạo phù hợp với nhu cầu nhân lực xã hội, nhu cầu việc làm của địa phương,...

3. Kết luận

RLNVSP là một quá trình được diễn ra thường xuyên liên tục với nhiều hình thức nhằm hướng tới việc hình thành cho SV có những kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo liên quan đến nghề nghiệp; là sự kết nối chặt chẽ và mật thiết giữa lí thuyết và thực hành một cách thường xuyên và khoa học. Trong thời gian học tập tại Trường, nếu như được đào tạo NVSP bài bản, khoa học thì SV sư phạm sẽ có năng lực nghề nghiệp vững vàng, kĩ năng hoạt động nghề nghiệp phù hợp, đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và giáo dục học sinh ở các trường mầm non và phổ thông các cấp. Những giải pháp mà chúng tôi đưa ra hi vọng sẽ tạo nên những thay đổi cơ bản trong chất lượng đào tạo NVSP cho SV, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo GV, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- La Thị Kim Bách (2018). *Biện pháp quản lí hoạt động thực tập sư phạm của sinh viên Khoa Sư phạm Trường Đại học An Giang.* Tạp chí Giáo dục, số 430, tr 29-33.
- Nguyễn Kim Chuyên (2019). *Nâng cao hiệu quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm đáp ứng chuẩn nghề nghiệp trong đào tạo giáo viên ở Trường Đại học Đồng Tháp.* Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 7, tr 128-131.
- Phạm Trung Thanh (2006). *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên.* NXB Đại học Sư phạm.
- Trường Đại học An Giang (2018). *Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học An Giang giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến 2030* (Ban hành kèm theo Quyết định số 1153/QĐ-ĐHAG ngày 05/07/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang).
- Trường Đại học An Giang (2019). *Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp tại Trường Đại học An Giang.*
- Trường Đại học An Giang (2020). *Báo cáo tổng kết công tác thực tập sư phạm năm học 2019-2020.*